BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2017

Thi tuyển các ngày 10&11/6/2017

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
		I. Tại Hà Nội:					
1	5001	Đỗ Việt An	Nam	03/04/1994	82,00	8,50	9,75
2	5002	Nguyễn Tiến Thịnh Anh	Nam	25/04/1993	85,00	8,00	9,75
3	5003	Phan Ngọc Hoàng Anh	Nam	19/08/1993	87,00	9,00	9,75
4	5004	Lê Đức Ân	Nam	16/05/1991	85,00	8,50	9,75
5	5005	Trần Quốc Bảo	Nam	26/05/1994	85,00	8,50	9,75
6	5006	Phạm Thanh Bình	Nam	17/10/1987	86,00	8,50	9,75
7	5007	Nguyễn Thành Chi	Nam	12/10/1976	82,00	9,00	9,50
8	5008	Nguyễn Xuân Chiến	Nam	15/05/1974	78,00	8,00	9,75
9	5009	Nguyễn Viết Chung	Nam	20/03/1985	78,00	8,00	10,00
10	5010	Nguyễn Minh Công	Nam	08/09/1994	79,00	7,50	10,00
11	5011	Nguyễn Đình Cử	Nam	24/07/1988	83,00	8,00	10,00
12	5012	Nguyễn Đức Cường	Nam	03/08/1993	79,00	8,00	10,00
13	5013	Lê Duy Dũng	Nam	29/11/1980	81,00	8,00	9,00
14	5014	Lưu Tiến Dũng	Nam	25/02/1992	67,00	8,00	9,75
15	5015	Nguyễn Quang Đạt	Nam	28/03/1992	71,00	7,50	9,50
16	5016	Nguyễn Văn Đấu	Nam	22/02/1994	71,00	8,00	10,00
17	5017	Nguyễn Đức Trần Đông	Nam	30/12/1983	86,00	8,00	9,00
18	5018	Hà Văn Đức	Nam	26/06/1990	80,00	8,00	9,75
19	5019	Nguyễn Thế Giang	Nam	04/01/1984	84,00	7,50	9,25
20	5020	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	25/09/1994	76,00	7,00	10,00
21	5021	Trần Nam Hải	Nam	31/07/1989	84,00	5,00	10,00
22	5022	Nguyễn Tiến Hiệp	Nam	22/03/1992	82,00	8,00	9,75
23	5023	Nguyễn Hữu Hiểu	Nam	03/02/1977	87,00	6,00	9,50
24	5024	Lê Thanh Hoàng	Nam	18/07/1993	83,00	7,00	9,25
25	5025	Nguyễn Đặng Hoàng	Nam	03/05/1977	77,00	6,50	9,25
26	5026	Đỗ Thị Hợp	Nữ	06/08/1991	80,00	7,00	8,75
27	5027	Trần Tiến Hùng	Nam	22/12/1991	77,00	7,00	9,25
28	5028	Vũ Mạnh Hùng	Nam	12/09/1974	79,00	7,50	9,50
29	5029	Nguyễn Quang Huy	Nam	17/01/1993	85,00	8,00	9,50
30	5030	Nguyễn Xuân Hưởng	Nam	25/11/1991	79,00	7,00	9,25
31	5031	Trần Thanh Liêm	Nam	03/07/1976	80,00	6,50	9,00
32	5032	Nguyễn Trung Lương	Nam	10/01/1994	89,00	6,00	9,75
33	5033	Nguyễn Thái Ly	Nam	19/07/1993	88,00	6,50	9,75
34	5034	Nguyễn Đức Minh	Nam	05/11/1994	65,00	7,50	9,75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
35	5035	Trần Quang Minh	Nam	25/09/1992	60,00	7,00	9,75
36	5036	Mai Trọng Nam	Nam	21/07/1988	70,00	7,00	9,75
37	5037	Nguyễn Hoài Nam	Nữ	02/12/1979	70,00	5,50	7,00
38	5038	Đặng Văn Nghĩa	Nam	17/09/1973	65,00	6,00	9,75
39	5039	Phạm Văn Nguyên	Nam	25/04/1983	68,00	8,00	9,25
40	5040	Trần Đình Phúc	Nam	25/10/1988	78,00	8,00	9,75
41	5041	Trần Đăng Quang	Nam	03/06/1994	75,00	8,00	9,75
42	5042	Tăng Ngọc Quế	Nam	01/12/1988	83,00	7,50	9,75
43	5043	Đoàn Bảo Quốc	Nam	10/12/1994	77,00	8,00	9,25
44	5044	Phạm Đình Sang	Nam	24/09/1994	67,00	7,00	9,00
45	5045	Nguyễn Đình Sơn	Nam	15/12/1979			
46	5046	Tăng Văn Tài	Nam	24/05/1982	87,00	8,00	7,75
47	5047	Nguyễn Tiến Thành	Nam	21/09/1994	78,00	8,00	7,75
48	5048	Phạm Thị Thảo	Nữ	20/01/1979	88,00	7,00	9,50
49	5049	Nguyễn Đình Thiệp	Nam	10/08/1984	75,00	8,00	9,50
50	5050	Phùng Đức Thịnh	Nam	11/03/1993	85,00	8,50	9,25
51	5051	Lê Đức Thọ	Nam	07/10/1991	92,00	7,00	9,00
52	5052	Nguyễn Đức Tiệm	Nam	13/12/1992	91,00	6,50	9,50
53	5053	Phạm Hồng Tiến	Nam	21/02/1985	70,00	7,00	8,25
54	5054	Trương Quốc Tiến	Nam	20/02/1994	68,00	7,00	8,00
55	5055	Trần Việt Tiệp	Nam	18/09/1992			
56	5056	Nguyễn Đức Toàn	Nam	06/10/1992			
57	5057	Nguyễn Quốc Trình	Nam	11/03/1982	91,00	6,50	8,25
58	5058	Đỗ Văn Trọng	Nam	20/01/1990	77,00	7,00	9,00
59	5059	Lê Văn Trọng	Nam	28/11/1994			
60	5060	Phạm Minh Trung	Nam	06/01/1991	86,00	7,50	7,50
61	5061	Trịnh Ngọc Tú	Nam	09/08/1989	79,00	8,00	8,50
62	5062	Hoàng Văn Tuấn	Nam	02/09/1987	71,00	8,00	9,25
63	5063	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	07/10/1991	77,00	5,00	9,00
64	5064	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	18/07/1993	83,00	7,50	9,00
65	5065	Nguyễn Văn Vũ	Nam	01/09/1987	71,00	9,00	9,00
66	5066	Tăng Phan Anh	Nam	10/09/1986	MT	9,00	9,25
67	5067	Đỗ Trọng Bắc	Nam	27/12/1992	73,00	8,00	9,25
68	5068	Lê Duy Công	Nam	13/12/1981	78,00	7,50	9,25
69	5069	Lê Anh Dũng	Nam	24/11/1977	75,00	8,00	9,25
70	5070	Nguyễn Anh Dũng	Nam	29/11/1985	74,00	8,00	9,25
71	5071	Phạm Ngọc Dũng	Nam	14/06/1977	78,00	7,50	9,25
72	5072	Lê Khánh Dương	Nam	30/10/1973	MT	8,00	6,75
73	5073	Bùi Mạnh Đạt	Nam	16/04/1981	79,00	7,50	9,25
74	5074	Nguyễn Trường Giang	Nam	20/10/1984	77,00	8,00	9,00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
75	5075	Trần Đức Giang	Nam	04/04/1986	80,00	7,50	9,25
76	5076	Trần Nguyên Giáp	Nam	17/07/1984	MT	8,50	9,25
77	5077	Hoàng Văn Hải	Nam	02/06/1974	75,00	7,50	8,50
78	5078	Đào Xuân Hiển	Nam	09/12/1986	75,00	8,50	9,25
79	5079	Mai Chí Hiển	Nam	23/10/1990	MT	8,00	9,25
80	5080	Lưu Xuân Hiếu	Nam	25/02/1981	72,00	7,00	9,00
81	5081	Nguyễn Văn Hòa	Nam	23/02/1980	74,00	6,00	9,25
82	5082	Phạm Trọng Hùng	Nam	01/10/1979	72,00	7,00	8,25
83	5083	Vũ Thành Hưng	Nam	28/08/1993	MT	6,50	8,50
84	5084	Bùi Huy Kiểm	Nam	31/10/1974	MT	8,00	8,00
85	5085	Đỗ Văn Lai	Nam	04/05/1974	75,00	7,50	9,00
86	5086	Triệu Đức Long	Nam	18/11/1982	69,00	7,00	8,25
87	5087	Đặng Tiến Mạnh	Nam	09/11/1983	79,00	7,00	9,00
88	5088	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	28/12/1991	MT	7,00	8,00
89	5089	Lê Hoài Nam	Nam	18/05/1989	MT	8,00	8,25
90	5090	Lê Tuấn Nghĩa	Nam	24/01/1985	76,00	6,00	7,75
91	5091	Mạc Văn Nghiệp	Nam	05/05/1977	MT	7,00	7,25
92	5092	Đỗ Trung Quang	Nam	19/05/1990			
93	5093	Nông Văn Thạch	Nam	12/05/1982	78,00	7,50	6,50
94	5094	Phạm Quang Thái	Nam	24/06/1992	79,00	8,00	7,50
95	5095	Lương Tất Thành	Nam	02/04/1987	MT	7,50	8,00
96	5096	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	11/11/1983	77,00	8,50	8,50
97	5097	Ngô Nguyễn Minh Trí	Nam	23/04/1993			
98	5098	Trung Vĩnh Trí	Nam	13/03/1982	79,00	6,00	8,75
99	5099	Hà Duy Tùng	Nam	15/11/1988	81,00	7,50	8,75
100	5100	Trần Danh Tuyên	Nam	29/05/1987	MT	7,00	8,50
101	5101	Trần Hoàng Việt	Nam	07/02/1978	72,00	6,50	7,75
102	5102	Đỗ Anh Vũ	Nam	05/09/1988	85,00	6,50	7,00
103	5103	Trần Ngọc Anh	Nam	29/09/1991	81,00	5,50	9,50
104	5104	Nguyễn Tuấn Bình	Nam	02/05/1987	73,00	6,50	9,00
105	5105	Trương Công Dinh	Nam	07/04/1988	64,00	6,50	6,50
106	5106	Hồ Sỹ Dũng	Nam	20/02/1993	70,00	7,00	7,00
107	5107	Nguyễn Văn Dương	Nam	03/10/1991	74,00	7,00	6,50
108	5108	Lê Quang Đạm	Nam	02/06/1981	88,00	7,50	7,00
109	5109	Huỳnh Ngọc Hiệp	Nam	10/04/1988	76,00	7,50	8,50
110	5110	Phùng Văn Hồng	Nam	27/05/1984	87,00	8,00	9,00
111	5111	Đỗ Hùng	Nam	19/06/1985	MT	7,00	8,50
112	5112	Trương Văn Huy	Nam	26/03/1979	74,00	7,00	8,00
113	5113	Phạm Quang Hưng	Nam	16/04/1982	77,00	8,00	8,00
114	5114	Phạm Duy Khánh	Nam	10/10/1991			

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
115	5115	Hồ Tấn Phương	Nam	15/06/1982	76,00	6,00	8,50
116	5116	Lý Minh Sang	Nam	19/04/1981	70,00	8,50	8,00
117	5117	Phạm Tấn Tấn	Nam	17/01/1984	75,00	7,50	8,50
118	5118	Trần Văn Tuấn	Nam	20/11/1985			
119	5119	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	01/08/1993	90,00	6,00	8,00
120	5120	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	04/10/1990	74,00	6,50	8,50
121	5121	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	28/08/1982	89,00	5,00	8,50
122	5122	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	19/04/1994	79,00	7,00	9,00
123	5123	Tống Duy Khoa	Nam	05/05/1976	90,00	6,00	8,50
124	5124	Nguyễn Văn Khỏe	Nam	24/09/1988	83,00	7,50	9,00
125	5125	Ngô Đức Linh	Nam	09/11/1979	85,00	8,00	9,00
126	5126	Lê Thị Kiều Lương	Nữ	11/09/1977	84,00	7,00	9,00
127	5127	Nguyễn Hoài Nam	Nam	28/12/1982	87,00	7,50	9,50
128	5128	Nguyễn Văn Sơn	Nam	19/04/1979			
129	5129	Bùi Văn Tâm	Nam	19/10/1987	MT	7,50	7,50
130	5130	Nguyễn Đình Tân	Nam	11/10/1980	77,00	6,50	7,00
131	5131	Vũ Văn Thành	Nam	03/02/1988	87,00	7,00	8,00
132	5132	Phạm Văn Thảo	Nam	28/09/1984	83,00	7,00	7,50
133	5133	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	25/11/1979	MT	6,50	9,00
134	5134	Nguyễn Công Toàn	Nam	12/02/1978	85,00	7,50	8,50
135	5135	Đặng Duy Trình	Nam	09/09/1971	81,00	7,00	7,00
136	5136	Trương Minh Tuệ	Nam	04/03/1993	77,00	7,00	7,00
137	5137	Phạm Ngọc Anh	Nam	13/10/1990	MT	5,00	6,00
138	5138	Nguyễn Việt Bách	Nam	05/09/1992	83,00	7,00	6,00
139	5139	Phạm Văn Nam	Nam	18/04/1992	82,00	7,00	6,00
140	5140	Phạm Văn Tình	Nam	12/11/1990	82,00	7,00	6,00
141	5141	Nguyễn Đăng Tuấn	Nam	12/10/1992	80,00	6,00	6,00
142	5142	Đặng Quang Anh	Nam	06/09/1994	81,00	8,00	6,25
143	5143	Nguyễn Hữu Chung	Nam	27/07/1994	80,00	7,50	6,75
144	5144	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	10/01/1990	72,00	8,00	6,25
145	5145	Phan Lê Đông	Nam	16/01/1980	82,00	6,50	6,25
146	5146	Nguyễn Thị Hà	Nữ	23/12/1989	80,00	7,50	6,50
147	5147	Nguyễn Đại Dương	Nam	17/12/1984	68,00	8,00	5,50
148	5148	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	08/10/1984	MT	8,50	5,00
149	5149	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	29/09/1983	MT	8,00	6,25
150	5150	Nguyễn Đăng Huy	Nam	05/03/1986	65,00	7,00	7,25
151	5151	Nguyễn Xuân Lực	Nam	10/09/1983	67,00	6,50	7,00
152	5152	Đinh Hồng Quang	Nam	11/01/1977	62,00	6,50	6,25
153	5153	Lê Hữu Sản	Nam	26/10/1985	69,00	6,00	5,75
154	5154	Nguyễn Thành Trang	Nam	28/11/1984	83,00	8,50	5,25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
155	5155	Nguyễn Lan Anh	Nữ	30/03/1979			
156	5156	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	05/06/1986	72,00	7,50	8,75
157	5157	Nguyễn Thị Vân Hạnh	Nữ	06/05/1991			
158	5158	Bùi Mỹ Hiền	Nữ	04/11/1978			
159	5159	Đỗ Thu Hiền	Nữ	05/12/1985	62,00	7,00	8,50
160	5160	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	19/05/1994	73,00	8,50	8,50
161	5161	Vũ Văn Năng	Nam	07/10/1984	65,00	7,00	8,75
162	5162	Lê Quang Nghĩa	Nam	24/01/1984	69,00	6,50	9,00
163	5163	Nguyễn Duy Ngự	Nam	13/04/1978	71,00	5,00	8,75
164	5164	Phạm Xuân Nội	Nam	22/02/1976			
165	5165	Phạm Công Thuận	Nam	13/07/1993	72,00	8,00	8,50
166	5166	Diêm Thị Thu Trang	Nữ	12/06/1984	69,00	8,50	8,50
167	5167	Võ Anh Tú	Nam	08/08/1968	73,00	6,00	8,50
168	5168	Lê Đình Anh	Nam	24/05/1985	MT	7,50	9,00
169	5169	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	02/02/1994	MT	9,50	9,25
170	5170	Vũ Đức Anh	Nam	28/03/1984	MT	8,00	9,00
171	5171	Nguyễn Văn Công	Nam	01/01/1986	MT	8,50	8,75
172	5172	Biện Hữu Danh	Nam	26/06/1983	MT	7,50	9,00
173	5173	Phan Đức Duy	Nam	19/01/1992	MT	8,50	8,75
174	5174	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	24/03/1993	MT	8,50	9,25
175	5175	Bùi Thị Hà	Nữ	07/10/1990	MT	8,50	9,50
176	5176	Trần Thu Hà	Nữ	03/10/1994	MT	7,50	9,00
177	5177	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	20/01/1978	MT	9,00	9,00
178	5178	Nguyễn Thị Nga Hằng	Nữ	01/09/1978	MT	8,50	9,00
179	5179	Trần Quang Hiển	Nam	27/11/1978	MT	7,50	9,00
180	5180	Nguyễn Thái Học	Nam	10/10/1992	MT	8,50	9,25
181	5181	Đinh Thị Huệ	Nữ	28/08/1986	MT	8,50	8,50
182	5182	Ngô Quốc Huy	Nam	30/09/1991	MT	7,00	8,50
183	5183	Nguyễn Trọng Huy	Nam	19/12/1989	MT	8,00	9,00
184	5184	Đinh Thị Thanh Huyền	Nữ	07/11/1987	MT	8,50	8,50
185	5185	Nguyễn Thị Diệu Hương	Nữ	04/09/1981	MT	8,00	9,00
186	5186	Phạm Xuân Hưởng	Nam	30/06/1980	MT	7,00	8,75
187	5187	Nguyễn Công Kiên	Nam	20/07/1984	MT	8,00	8,75
188	5188	Trần Thị Lan	Nữ	29/04/1988	MT	9,00	9,00
189	5189	Nguyễn Kiều Linh	Nam	25/08/1974	MT	6,50	8,50
190	5190	Lê Thị Loan	Nữ	25/10/1985	MT	5,00	9,00
191	5191	Phạm Văn Luyến	Nam	20/01/1984	MT	6,00	8,75
192	5192	Phạm Hữu Lưu	Nam	05/10/1987	MT	5,00	9,00
193	5193	Vũ Thị Tuyết Mai	Nữ	02/03/1979	MT	7,50	9,25
194	5194	Nguyễn Chí Minh	Nam	27/10/1981	MT	6,50	9,25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
195	5195	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	21/09/1992	MT	9,00	9,00
196	5196	Trần Đại Nghĩa	Nam	15/05/1991	MT	8,50	9,25
197	5197	Vũ Hồng Nhung	Nữ	20/02/1981	MT	6,00	9,00
198	5198	Phạm Lan Oanh	Nữ	13/09/1988	MT	7,00	9,00
199	5199	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	15/09/1992	MT	8,00	8,25
200	5200	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Nữ	04/10/1993			
201	5201	Đặng Trọng Sơn	Nam	01/07/1975	MT	6,50	9,00
202	5202	Trần Hoài Sơn	Nam	15/08/1979	MT	5,50	8,75
203	5203	Trương Văn Thái	Nam	01/04/1980	MT	6,00	9,00
204	5204	Nguyễn Duy Thanh	Nam	18/11/1983	MT	6,00	8,75
205	5205	Nguyễn Thị Minh Thu	Nữ	01/11/1988	MT	7,50	9,25
206	5206	Võ Thị Chung Thủy	Nữ	30/11/1977	MT	5,50	9,00
207	5207	Lê Thanh Thúy	Nữ	24/08/1976	MT	6,00	9,00
208	5208	Đoàn Xuân Toản	Nam	22/12/1979	MT	7,50	9,25
209	5209	Lâm Hoàng Quỳnh Trang	Nữ	04/10/1984	MT	7,50	9,25
210	5210	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	18/11/1986	MT	8,00	9,25
211	5211	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	30/05/1993	MT	5,00	8,50
212	5212	Nguyễn Văn Tuân	Nam	23/04/1982	MT	6,50	9,25
213	5213	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	23/08/1976	MT	5,00	9,00
214	5214	Lê Minh Tuyết	Nữ	13/10/1991	MT	7,50	9,00
215	5215	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	13/09/1985	MT	6,00	9,25
216	5216	Nguyễn Chí Công	Nam	10/12/1990	78,00	7,50	7,50
217	5217	Nguyễn Tiến Công	Nam	07/02/1989	67,00	8,00	7,50
218	5218	Phạm Văn Cung	Nam	18/08/1987	76,00	9,00	8,00
219	5219	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	15/05/1991	77,00	9,00	8,50
220	5220	Lê Doãn Đạo	Nam	10/10/1985	78,00	8,00	9,00
221	5221	Trần Minh Đăng	Nam	24/04/1980	89,00	8,00	9,50
222	5222	Trần Quang Hải	Nam	20/05/1984	86,00	7,50	9,00
223	5223	Nguyễn Văn Hanh	Nam	03/09/1969	84,00	5,00	7,50
224	5224	Vũ Văn Hậu	Nam	08/07/1967	84,00	8,00	7,00
225	5225	Nguyễn Duy Hiếu	Nam	18/12/1992	81,00	8,00	9,00
226	5226	Lê Huy Hoàng	Nam	25/04/1990	77,00	8,50	7,50
227	5227	Nguyễn Song Hoàng	Nam	03/10/1992			
228	5228	Phạm Thị Hồng	Nữ	24/05/1990	66,00	9,00	9,00
229	5229	Đinh Lê Huy	Nam	11/11/1978	71,00	8,00	7,00
230	5230	Trần Thị Huyền	Nữ	16/11/1993	78,00	7,00	9,00
231	5231	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	15/11/1987	78,00	9,00	9,00
232	5232	Phạm Duy Khánh	Nam	22/02/1979	69,00	7,50	7,50
233	5233	Nguyễn Thị Lành	Nữ	08/08/1982	66,00	9,00	9,00
234	5234	Tô Thị Ly	Nữ	08/03/1987	75,00	8,50	9,50

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
235	5235	Nguyễn Thị Mai	Nữ	20/05/1992	69,00	7,00	7,00
236	5236	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/10/1983	79,00	7,00	8,00
237	5237	Hoàng Đức Quang	Nam	14/11/1988	79,00	6,00	8,00
238	5238	Lê Ngọc Quang	Nam	12/07/1978	87,00	6,00	7,50
239	5239	Phạm Như Quỳnh	Nữ	12/02/1994	75,00	6,50	8,00
240	5240	Bùi Danh Sinh	Nam	07/08/1991	79,00	7,50	8,50
241	5241	Đào Thị Thanh	Nữ	24/03/1993	87,00	7,50	9,00
242	5242	Đặng Quyết Thắng	Nam	13/11/1993	88,00	8,50	8,00
243	5243	Nguyễn Trung Thông	Nam	06/06/1994	89,00	9,50	8,00
244	5244	Nguyễn Việt Tiến	Nam	14/09/1979	87,00	8,00	8,00
245	5245	Hoàng Thị Thảo Trang	Nữ	09/02/1993	80,00	8,50	7,00
246	5246	Nguyễn Minh Trí	Nam	28/07/1991	70,00	5,00	7,50
247	5247	Đồng Anh Tuân	Nam	07/03/1984	82,00	7,00	8,00
248	5248	Bùi Anh Tuấn	Nam	21/12/1984	78,00	6,50	6,00
249	5249	Hoàng Quốc Tuấn	Nam	09/09/1994	81,00	5,50	8,00
250	5250	Trần Xuân Anh	Nam	05/03/1985	MT	5,50	8,50
251	5251	Nguyễn Hữu Cao	Nam	07/11/1975	MT	5,00	10,00
252	5252	Phạm Văn Chí	Nam	15/07/1977	MT	5,50	9,00
253	5253	Nguyễn Ngọc Chiến	Nam	03/09/1988	MT	6,00	8,00
254	5254	Nguyễn Quang Chiến	Nam	27/01/1989	MT	7,00	10,00
255	5255	Nguyễn Văn Chiến	Nam	07/07/1985	MT	7,00	10,00
256	5256	Hoàng Mạnh Cường	Nam	06/06/1983	MT	5,50	9,50
257	5257	Bùi Gia Dũng	Nam	07/09/1975	MT	5,00	9,50
258	5258	Đoàn Quang Dương	Nam	15/11/1982	MT	6,50	10,00
259	5259	Phạm Thùy Dương	Nữ	04/06/1985	MT	5,50	9,00
260	5260	Phạm Văn Đạo	Nam	07/08/1983	MT	8,00	8,50
261	5261	Hoàng Đỗ Hồng Điệp	Nữ	28/08/1986	MT	7,00	8,00
262	5262	Đinh Văn Đức	Nam	10/04/1989	MT	6,00	8,50
263	5263	Đỗ Hữu Hà	Nam	22/07/1990	MT	7,00	9,00
264	5264	Phạm Ngọc Hải	Nam	12/03/1983	MT	8,00	9,00
265	5265	Trần Lê Hải	Nam	21/05/1983	MT	8,00	9,00
266	5266	Trần Quang Hải	Nam	20/01/1970	MT	7,50	8,00
267	5267	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	25/06/1983	MT	8,50	8,00
268	5268	Đoàn Văn Hệ	Nam	20/09/1991	MT	5,50	9,00
269	5269	Ngô Thị Thu Hiền	Nữ	16/04/1978	MT	6,50	9,00
270	5270	Đỗ Chí Hiếu	Nam	09/02/1994	MT	6,50	8,00
271	5271	Đinh Thượng Hoàng	Nam	10/02/1991	MT	7,50	8,50
272	5272	Nguyễn Việt Hùng	Nam	08/02/1977	MT	8,00	8,00
273	5273	Tống Văn Huy	Nam	04/03/1984	MT	8,00	8,50
274	5274	Đinh Quang Hưng	Nam	01/06/1987	MT	8,00	7,50

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
275	5275	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	05/06/1978	MT	8,00	7,50
276	5276	Phạm Văn Khương	Nam	21/04/1987	MT	8,00	8,00
277	5277	Nguyễn Văn Kiên	Nam	01/07/1988	MT	8,00	8,00
278	5278	Phạm Kiên	Nam	04/01/1982			
279	5279	Phạm Trung Kiên	Nam	25/02/1984	MT	8,00	5,50
280	5280	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	07/05/1971	MT	7,50	6,50
281	5281	Đinh Mạnh Linh	Nam	09/06/1990	MT	8,50	6,50
282	5282	Phạm Ngọc Linh	Nam	24/11/1991	MT	7,50	7,00
283	5283	Nguyễn Văn Nam	Nam	03/09/1973	MT	7,50	7,00
284	5284	Trần Trọng Nam	Nam	12/02/1989	MT	7,00	7,00
285	5285	Vũ Văn Nam	Nam	27/11/1991	MT	8,50	9,50
286	5286	Bùi Sỹ Ngân	Nam	02/06/1981	MT	8,50	10,00
287	5287	Đỗ Thị Thúy Ngân	Nữ	11/08/1990	MT	8,00	10,00
288	5288	Đỗ Thái Ngọc	Nam	01/01/1985	MT	8,50	9,50
289	5289	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	06/04/1986	MT	8,50	10,00
290	5290	Hoàng Sĩ Nhất	Nam	21/09/1987	MT	8,50	10,00
291	5291	Nguyễn Phú Phát	Nam	03/11/1994	MT	7,00	9,00
292	5292	Đỗ Thị Mai Phương	Nữ	20/08/1993	MT	8,00	10,00
293	5293	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	24/11/1978	MT	9,00	10,00
294	5294	Cao Minh Sơn	Nam	08/03/1985	MT	7,50	10,00
295	5295	Phạm Thanh Sơn	Nam	26/09/1987	MT	9,00	8,00
296	5296	Đinh Xuân Thái	Nam	25/11/1988	MT	8,00	8,00
297	5297	Phạm Anh Thái	Nam	05/08/1986	MT	8,50	9,00
298	5298	Nguyễn Nhật Thành	Nam	04/01/1983	MT	9,00	9,00
299	5299	Tạ Hùng Thành	Nam	09/09/1981	MT	9,00	9,50
300	5300	Trần Văn Thành	Nam	10/01/1993	MT	9,00	8,50
301	5301	Trần Xuân Thành	Nam	23/05/1975	MT	7,50	8,00
302	5302	Vũ Toàn Thắng	Nam	14/09/1976	MT	6,00	9,00
303	5303	Tống Thị Mai Thêu	Nữ	18/11/1983	MT	6,00	9,50
304	5304	Đinh Văn Thuấn	Nam	20/08/1984	MT	7,50	9,50
305	5305	Trần Văn Tiến	Nam	21/10/1987	MT	8,50	9,50
306	5306	Bùi Huy Toàn	Nam	30/06/1984	MT	7,50	9,00
307	5307	Vũ Minh Toàn	Nam	02/04/1974	MT	6,00	7,00
308	5308	Trần Quốc Toản	Nam	28/03/1976	MT	7,50	7,00
309	5309	Nguyễn Xuân Trường	Nam	11/08/1983	MT	7,50	7,00
310	5310	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	26/10/1989	MT	8,50	10,00
311	5311	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	14/03/1986	MT	8,00	10,00
312	5312	Nguyễn Đức Tuyên	Nam	03/10/1985	MT	8,50	10,00
313	5313	Lê Quang Uyên	Nam	14/08/1980	MT	9,00	7,50
314	5314	Đinh Thị Vinh	Nữ	07/05/1979	MT	8,00	9,50

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
315	5315	Lê Đình Vinh	Nam	14/08/1984	MT	7,00	10,00
316	5316	Nguyễn Như Yến	Nữ	05/10/1993	MT	7,50	9,00
317	5317	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	18/05/1994	MT	8,50	10,00
318	5318	Trương Thị Hải Yến	Nữ	25/07/1980	MT	8,00	5,50
319	5319	Quách Đăng Cần	Nam	12/02/1981	85,00	8,00	9,00
320	5320	Trần Minh Châu	Nam	02/05/1984	82,00	5,00	10,00
321	5321	Phạm Duy	Nam	07/01/1981	84,00	7,00	10,00
322	5322	Diệp Văn Dương	Nam	23/08/1970	83,00	5,50	9,50
323	5323	Hà Ngọc Dương	Nam	29/04/1989	85,00	7,00	10,00
324	5324	Lò Văn Dương	Nam	26/01/1971	78,00	5,50	8,50
325	5325	Đặng Đình Đắc	Nam	07/09/1978	85,00	8,00	9,50
326	5326	Phạm Anh Đức	Nam	10/02/1986	83,00	8,00	10,00
327	5327	Trịnh Việt Hải	Nam	14/10/1988	84,00	7,00	9,50
328	5328	Phạm Trọng Hậu	Nam	19/08/1979	87,00	7,00	10,00
329	5329	Poòng Quốc Hiệp	Nam	06/10/1986	83,00	7,50	9,50
330	5330	Vũ Trung Hiếu	Nam	24/10/1993	81,00	6,50	8,00
331	5331	Đỗ Thanh Hoàng	Nam	24/01/1989	86,00	6,50	8,50
332	5332	Cao Xuân Hùng	Nam	05/07/1985	83,00	8,00	9,50
333	5333	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	15/06/1992	85,00	8,00	8,50
334	5334	Poòng Quốc Huy	Nam	01/07/1985	83,00	8,50	9,50
335	5335	Nguyễn Đạt Long	Nam	17/02/1977	87,00	6,00	8,00
336	5336	Nguyễn Đức Lượng	Nam	04/07/1985	85,00	7,50	7,50
337	5337	Bùi Vĩnh Phú	Nam	03/08/1982	85,00	7,00	7,50
338	5338	Phạm Văn Phúc	Nam	29/08/1981	85,00	5,00	7,50
339	5339	Lê Thị Loan Phượng	Nam	06/12/1982	89,00	9,00	10,00
340	5340	Vũ Đức Quyết	Nam	09/07/1980	85,00	7,00	8,50
341	5341	Phạm Ngọc Quỳnh	Nam	18/01/1974	86,00	8,00	10,00
342	5342	Phạm Trọng Tài	Nam	08/10/1986	79,00	8,00	9,50
343	5343	Tô Tố Tâm	Nam	28/10/1992	86,00	8,50	10,00
344	5344	Đinh Thu Thảo	Nam	05/03/1993	87,00	8,50	10,00
345	5345	Nguyễn Văn Toàn	Nam	09/02/1984	84,00	8,00	9,50
346	5346	Quản Bá Tới	Nam	27/02/1988	87,00	7,00	10,00
347	5347	Nguyễn Trường Trung	Nam	01/03/1981			
348	5348	Nguyễn Minh Tuân	Nam	09/11/1972	81,00	7,00	10,00
349	5349	Hà Huy Vinh	Nam	27/07/1981	83,00	8,00	9,50
II. Phân hiệu tại TP.HCM:							
1	7001	Vũ Quốc Anh	Nam	10/01/1983	76,00	6,50	7,50
2	7002	Nguyễn Hoàng Bách	Nam	07/07/1987	68,00	6,00	6,00
3	7003	Lương Văn Bằng	Nam	01/07/1981	78,00	6,50	6,00
4	7004	Nguyễn Vĩnh Bảo	Nam	01/09/1972	74,00	6,00	6,00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
5	7005	Phạm Minh Công	Nam	21/08/1991	77,00	6,50	6,00
6	7006	Đậu Văn Điệp	Nam	22/05/1988	79,00	6,00	6,00
7	7007	Lê Vũ Hoàng Duy	Nam	08/08/1978	80,00	6,50	6,00
8	7008	Hà Thanh Hải	Nam	20/08/1982	88,00	5,50	5,00
9	7009	Huỳnh Quốc Hải	Nam	07/08/1978	77,00	5,50	6,00
10	7010	Nguyễn Thanh Hải	Nam	30/06/1987	76,00	6,00	6,00
11	7011	Trần Hoàng Hải	Nam	24/02/1984	70,00	7,00	8,50
12	7012	Trần Quốc Hân	Nam	03/06/1977	MT	6,00	9,00
13	7013	Nguyễn Thanh Hiền	Nữ	23/05/1979	72,00	6,00	8,50
14	7014	Ngô Quang Huy	Nam	16/09/1988	73,00	6,00	8,00
15	7015	Hồ Thị Liên	Nữ	10/05/1987	78,00	7,00	9,50
16	7016	Lê Ngọc Linh	Nam	08/10/1980	73,00	5,00	8,50
17	7017	Trần Đại Nghĩa	Nam	30/05/1978	66,00	5,50	8,00
18	7018	Lê Văn Nguyên	Nam	25/11/1974	MT	5,50	8,00
19	7019	Trần Nam Ni	Nam	12/09/1983	62,00	5,50	8,00
20	7020	Khương Hoài Phong	Nam	01/09/1977	81,00	5,50	7,50
21	7021	Thạch Phương Tâm	Nữ	10/02/1994	76,00	6,00	9,00
22	7022	Đào Xuân Thảo	Nam	10/04/1992	68,00	6,00	8,50
23	7023	Lê Thị Thanh Thúy	Nữ	01/06/1987	82,00	6,50	9,00
24	7024	Nguyễn Quang Tín	Nam	28/08/1992	73,00	6,00	7,50
25	7025	Cao Xuân Trung	Nam	16/11/1984	71,00	5,50	7,00
26	7026	Trần Hữu Tuấn	Nam	17/11/1981	78,00	6,00	8,50
27	7027	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	18/11/1978	76,00	6,00	8,50
28	7028	Nguyễn Trường An	Nam	13/09/1994	91,00	7,00	8,50
29	7029	Huỳnh Nguyên Bảo	Nam	10/11/1987	94,00	6,50	8,50
30	7030	Lương Tấn Đức	Nam	22/05/1993	91,00	6,50	8,50
31	7031	Phạm Minh Hải	Nam	03/09/1983	92,00	6,00	8,75
32	7032	Đỗ Phương Hạnh	Nữ	11/10/1994	85,00	6,50	8,75
33	7033	Nguyễn Đắc Huệ	Nam	14/04/1984	88,00	6,00	8,75
34	7034	Nguyễn Ngọc Hùng	Nam	05/05/1994	88,00	6,00	8,25
35	7035	Lê Văn Lộc	Nam	01/03/1979	89,00	6,00	8,75
36	7036	Đàm Hà Hoàng Ngân	Nữ	03/07/1994	90,00	7,50	9,00
37	7037	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	30/12/1991	91,00	7,50	8,50
38	7038	Võ Thị Ánh Như	Nữ	21/01/1976	86,00	6,00	8,75
39	7039	Trần Thanh Phú	Nam	25/03/1993	78,00	6,00	8,75
40	7040	Lại Duy Sơn	Nam	21/11/1978	72,00	5,50	8,75
41	7041	Đặng Đình Tài	Nam	19/10/1979	74,00	7,00	7,25
42	7042	Hồ Hữu Tài	Nam	22/06/1990	83,00	5,50	6,00
43	7043	Lê Ngọc Tân	Nam	07/09/1994	80,00	6,50	7,50
44	7044	Nguyễn Xuân Thịnh	Nam	26/12/1994	79,00	5,50	9,00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
45	7045	Thái Công Thống	Nam	20/09/1987	88,00	6,50	8,00
46	7046	Võ Quang Trí	Nam	07/10/1977	88,00	6,00	8,00
47	7047	Nguyễn Hà Trung	Nam	23/05/1994	92,00	6,50	8,00
48	7048	Trần Khanh Trung	Nam	18/12/1991	91,00	6,50	7,25
49	7049	Hoàng Mạnh Tuấn	Nam	03/09/1993	67,00	6,50	6,25
50	7050	Nguyễn Viết Vượng	Nam	02/10/1972	81,00	6,50	7,25
51	7051	Trần Như Ý	Nam	04/10/1986	86,00	7,00	7,25
52	7052	Nguyễn Hữu Đạt	Nam	06/11/1994	68,00	5,50	6,00
53	7053	Trần Ngọc Đức	Nam	07/07/1979	56,00	6,50	5,50
54	7054	Nguyễn Thị Kim Phận	Nữ	21/01/1994	54,00	6,00	6,00
55	7055	Huỳnh Ngọc Phát	Nam	14/12/1992	53,00	6,50	5,50
56	7056	Võ Trần Phi	Nam	07/09/1993	64,00	6,50	7,50
57	7057	Thái Doãn Vinh	Nam	20/11/1987	52,00	6,50	7,50
58	7058	Bùi Vũ Thế Anh	Nam	24/08/1994	57,00	7,00	8,00
59	7059	Võ Hồng Chiến	Nam	02/09/1992	51,00	6,50	8,00
60	7060	Dương Lâm Sơn	Nam	28/01/1980	64,00	6,50	8,00
61	7061	Nguyễn Khánh Thành	Nam	10/01/1994	75,00	6,50	7,50
62	7062	Phan Phúc Triều	Nam	1977	61,00	6,50	8,00
63	7063	Trần Huy Vũ	Nam	07/10/1979	50,00	5,50	7,50
64	7064	Phạm Tuấn Hiệp	Nam	01/09/1980	69,00	6,00	7,25
65	7065	Vũ Ngọc Linh	Nam	06/06/1982	58,00	6,50	7,75
66	7066	Nguyễn Hữu Tân	Nam	30/05/1987	53,00	6,50	6,00
67	7067	Nguyễn Đức Trung	Nam	28/12/1986	50,00	6,50	5,00

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2017

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLĐT

(Đã ký, đóng dấu)

PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa